TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HS-ST
Ngày 22-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh .
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Lương Anh Tuấn;
2- Ông Trần Ngọc Đức.

- Thư ký phiên Toà: Bà Hoàng Diệp Linh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Trương Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2025/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 17 tháng 7 năm 1963, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: thôn D, xã T, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1937 (đã chết) con bà: Phạm Thị A, sinh năm 1937; vợ Đàm Thị T1, sinh năm 1962; con: bị cáo có ba con, con lớn 1984, con nhỏ sinh năm 1988. Hiện vợ, con bị cáo đều trú tại xã Y, tỉnh Lào Cai; tiền án: có 01 tiền án tại Bản án số 09/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (nay là TAND khu vực 2, tỉnh Lào Cai) tuyên phạt Nguyễn Ngọc T 04 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", phạt bổ sung 5.000.000 đồng và T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí (Đến ngày 04/8/2025 Nguyễn Ngọc T chưa thi hành hình phạt bổ sung 5.000.000 đồng), tiền sự: Không; nhân thân: Không, bị tạm giữ từ 05 tháng 8 năm 2025, bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 Công an tỉnh L; "có mặt".

2. Phạm Đức M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 28 tháng 02 năm 1976, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn N, sinh năm 1936 (đã chết) con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1945 (đã chết); vợ Nguyễn Thị N1 (đã ly hôn); con: ..... Hiện vợ, con bị cáo đều trú tại xã T, tỉnh Lào Cai; tiền

án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 14/QĐ-TA ngày 06 tháng 11 năm 2020 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình tỉnh Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 02 năm, bị cáo đã chấp hành xong tháng 11 năm 2022, bị tạm giữ từ 05 tháng 8 năm 2025, bị tạm giam tại trại tạm giam số 2 Công an tỉnh L; "có mặt".

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Phạm Tuấn Đ1, sinh năm 1974; địa chỉ: thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai; "……. mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào 10 giờ 35 phút ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai; Công an xã T bắt quả tang Phạm Đức M có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý. Quá trình bắt quả tang, Công an xã T thu giữ tại lòng bàn tay trái của M 01 gói giấy, bên trong có chứa chất bột nén màu trắng. Thu giữ trên người M số tiền 40.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen và 01 xe đạp điện nhãn hiệu HK BIKE, màu đen.

Vào hồi 13 giờ 50 phút ngày 05 tháng 8 năm 2025 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã tiến hành khám xét chỗ ở của Phạm Đức M. Kết quả khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại Cơ quan điều tra, M khai nhận số ma tuý mà M bị thu giữ khi bắt quả tang là do M mua của Nguyễn Ngọc T vào ngày 05 tháng 8 năm 2025 với số tiền 1.000.000 đồng.

Căn cứ vào lời khai của Phạm Đức M vào hồi 14 giờ 50 phút ngày 05 tháng 8 năm 2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Công an tỉnh L đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc T. Quá trình khám xét thu giữ của Nguyễn Ngọc T số tiền 1.000.000 đồng; 01 gói giấy màu trắng bên trong có chứa chất bột nén màu trắng và thu giữ của Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, kèm 01 thẻ sim khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định được như sau: Ngày 30 tháng 7 năm 2025, T đi chơi tại khu vực thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai cũ (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) T được 01 người nam giới tên H hoặc H1 (T không nhớ chính xác tên và không biết địa chỉ của người này), khoảng 30 tuổi là người chấp hành án phạt tù cùng T tại Trại giam H2 trước đây cho 01 gói ma tuý, loại Heroine được gói bằng giấy màu trắng. Sau đó, T mang về cất giấu tại nhà T. Ngày 03 tháng 8 năm 2025, T lấy một phần ma tuý ra để sử dụng bằng hình thức hít vào cơ thể.

Khoảng 19 giờ ngày 04 tháng 8 năm 2025, M gọi điện cho T hỏi mua 500.000 đồng tiền ma tuý, T đồng ý và hẹn M đến nhà T. Sau đó,T lấy một phần trong gói ma tuý rồi gói lại trong mảnh giấy màu trắng. M mượn xe đạp điện nhãn hiệu HK BIKE

của anh Phạm Tuấn Đ1, sinh năm 1974, trú tại thôn C, xã T, tỉnh Lào Cai (là anh trai của M) đến nhà T. Khi M đến gần nhà T thì gặp T ở ngoài đường. Tại đây, T đã bán cho M 01 gói ma tuý với số tiền 500.000 đồng. M cầm số ma tuý vừa mua được mang về nhà và sử dụng hết bằng hình thức chích vào cơ thể.

Tiếp đó, vào khoảng 10 giờ ngày 05 tháng 8 năm 2025, M gọi điện cho T hỏi mua 1.000.000 đồng tiền ma tuý, T đồng ý và hẹn M đến nhà T để lấy ma tuý rồi T lấy một phần trong gói ma tuý ra rồi gói lại trong mảnh giấy màu trắng. Sau đó, M đi xe đạp điện đến nhà T và T đã bán cho M 01 gói ma tuý với giá 1.000.000 đồng. Sau khi mua được ma tuý, M mang về đến đoạn đường tỉnh lộ 170 thuộc khu vực thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai thì bị Công an xã T bắt quả tang và thu giữ của M những đồ vật, tài liệu như trên. Số ma tuý còn lại, T cất giấu tại giường ngủ để ở phòng khách nhà T với mục đích vừa để bán và vừa để sử dụng cho bản thân đã bị Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét.

Ngoài ra, Phạm Đức M là người đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma tuý (Chấp hành xong ngày 10 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định số 329/GCN-CNTN ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND thị trấn T) và đang trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 10 năm 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) thời hạn quản lý 01 năm kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Tại Kết luận giám định số 362/KL-KTHS ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); 03 tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng); 04 tờ tiền mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); 02 tờ tiền mệnh giá 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) gửi đến giám định đều là tiền thật.

Tại Kết luận giám định số 377/KL-KTHS ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

- Chất bột nén màu trắng thu giữ của Phạm Đức M khi bắt quả tang gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,31g.

- Chất bột nén màu trắng thu giữ của Nguyễn Ngọc T gửi đến giám định là ma túy, loại Heroin, có khối lượng 0,28g.

Tại Kết luận giám định số 1254/KL-KTHS ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Phòng K Công an tỉnh P kết luận: Trong chất lỏng màu vàng của mẫu ghi Mẫu nước tiểu của Phạm Đức M, sinh năm 1976 thu ngày 05 tháng 8 năm 2025 gửi đến giám định tìm thấy chất ma túy loại Amphetamine, C1, Ketamine, M1, M2.

Cáo trạng số: 25/CT-VKS – KV2 ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội "Mua bán trái

phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; truy tố bị cáo Phạm Đức M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

*Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, phạt Nguyễn Ngọc T từ …. năm đến …. năm ….. tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Sử dụng trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm c khoản 1 Điều 256a; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, phạt Phạm Đức M từ … năm đến … năm … tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; từ … năm đến …. năm … tháng tù về tội"Sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2025: Xử lý theo quy định của pháp luật. Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định;

- Bị cáo T thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo M khai nhận hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy. Lời sau cùng các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[2] Về hành vi chứng cứ xác định có tội và điều luật áp dụng:

Về tội danh: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa Nguyễn Ngọc T, Phạm Đức M thừa nhận hành vi của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định:

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T với động cơ vụ lợi, mục đích kiếm lời bất chính trong 02 ngày 04 tháng 8 năm 2025 và 05 tháng 8 năm 2025 bị cáo T đã 02 lần bán trái phép chất ma tuý, loại Heroine cho M. Trong đó, ngày 04 tháng 8 năm 2025, T

bán cho M 01 gói ma tuý với số tiền 500.000 đồng và ngày 05 tháng 8 năm 2025 T bán cho bị cáo M 01 gói ma tuý có khối lượng 0,31 gam với số tiền 1.000.000 đồng. Số ma tuý còn lại là 0,28 gam T cất giấu với mục đích vừa để bán và vừa để sử dụng.

Đối với bị cáo Phạm Đức M: Ngày 04 tháng 8 năm 2025, sau khi mua được 01 gói ma tuý của bị cáo T, M đã một mình sử dụng hết. Ngày 05 tháng 8 năm 2025, sau khi mua 0,31 gam ma tuý, loại Heroine của T với mục đích để sử dụng, M đã bị bắt quả tang tại khu vực thôn P, xã T, tỉnh Lào Cai về hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý. Ngoài ra, bị cáo M còn là người đang trong thời hạn 02 năm kể từ ngày hết thời hạn quản lý sau cai nghiện ma tuý và trong thời hạn quản lý người sử dụng trái phép chất ma tuý theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) thời hạn 01 năm kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm các tội phạm về ma túy nhưng cố ý thực hiện; Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với hai bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo T; nghiêm trọng và ít nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo M, hành vi phạm tôi của các bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đã tiếp tay cho những đối tượng mua bán trái phép chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo T đã từng bị Tòa án xét xử nhưng không lấy đó làm bài học, bị cáo M đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, hai bị cáo tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, chưa có ý thức tự giáo dục bản thân.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự; Bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc T và Phạm Đức M đã thành khẩn khai báo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Đ được tặng thưởng Huy chương kháng

chiến hạng nhì, bị cáo M có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên các bị can được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Từ nhận định nêu trên cần xét xử bị cáo T, M hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình, xã hội cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét, các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo T có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Đ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo M có mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng trong việc áp dụng pháp luật hình sự.

[7] Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp thu nhập không ổn định, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

Cần tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì do Phòng K Công an tỉnh L phát hành niêm phong 0,18g ma túy, loại Heroine còn lại thu giữ của Nguyễn Ngọc T sau khi trích mẫu giám định; 01 phong bì do Phòng K Công an tỉnh L phát hành niêm phong 0,21g ma túy, loại Heroine còn lại thu giữ của Phạm Đức M sau khi trích mẫu giám định; 02 vỏ phong bì sau khi giám định;

Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, kèm 01 thẻ sim thu giữ của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, đã qua sử dụng, kèm 01 thẻ sim thu giữ của Phạm Đức M điện thoại các bị cáo liên lạc với nhau mua, bán ma túy; Tịch thu số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T do bán ma túy mà có, bị cáo T phải nộp 500.000 đồng tiền bán ma túy cho M mà có.

Trả bị cáo M số tiền 40.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Trả lại anh Phạm Tuấn Đ1: 01 xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu HK BIKE, đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Đức M không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Đối với nội dung khác liên quan đến vụ án: Đối với người đàn ông đã cho Nguyễn Ngọc T ma túy vào ngày 30 tháng 7 năm 2025: Quá trình điều tra T khai nhận không biết chính xác tên, địa chỉ của người đàn ông này. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành xác minh tại xã B, tỉnh Lào Cai nhưng cũng không xác định được người này là ai. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L không có căn cứ để điều tra, làm rõ.

[10] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T, M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Những chứng cứ buộc tội của Kiểm sát viên và lời trình bày của bị cáo phù hợp với tranh tụng tại phiên tòa và hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy";* bị cáo Phạm Đức M phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất mà túy"* và tội *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T … (…..) năm ….. (…..) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 05 tháng 8 năm 2025.

2.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm c khoản 1 Điều 256a; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Phạm Đức M … (….) năm …. (…) tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất mà túy"* và … (….) năm …. (…) tháng tù về *"Sử dụng trái phép chất ma túy".* Hình phạt chung cho hai tội là… (….) năm …. (….) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 05 tháng 8 năm 2025.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì do Phòng K Công an tỉnh L phát hành niêm phong 0,18g ma túy, loại Heroine; 01 phong bì do Phòng K Công an tỉnh L phát hành niêm phong 0,21g ma túy, loại Heroine; 02 vỏ phong bì sau khi giám định;

Nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã qua sử dụng, kèm 01 thẻ sim thu giữ của Nguyễn Ngọc T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE màu đen, đã qua sử dụng, kèm 01 thẻ sim thu giữ của Phạm Đức M điện thoại các bị cáo liên lạc với nhau mua, bán ma túy; Nộp ngân sách số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo T do phạm tội mà có.

Trả bị cáo M số tiền 40.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng tạm giữ bảo đảm thi hành án.

Trả lại anh Phạm Tuấn Đ1: 01 xe đạp điện màu đen, nhãn hiệu HK BIKE, đã qua sử dụng.

(Chi tiết đặc điểm các vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Lào Cai).

Bị cáo T phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng tiền bán ma túy cho M.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; Bị cáo Nguyễn Ngọc T, Phạm Đức M mỗi bị cáo phải nộp 200.000, đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm**.**

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo T, M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hàn án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự*".

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 2-Lào Cai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, T2, THS,THAHS.

Nguyễn Đỗ Q

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Lưu HS, T2, THS,THAHS.

Nguyễn Đỗ Q

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 – Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Công an tỉnh 02 bản;
- Thi hành án DS tỉnh;
- Người bị hại;
- Lưu HS, T2, THS,THAHS.

Nguyễn Đỗ Q

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đỗ Quỳnh

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Công an huyện 02 bản;
- Thi hành án DS huyện;
- Trại giam KM8 (bị cáo);
- Người bị hại;
- Lưu HS, T.A, THS,THAHS.

Nguyễn Đỗ Quỳnh